TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 133/2026/QĐST - DS	*Lâm Đồng, ngày 09 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 146, Điều 147, Điều 156, Điều 157, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357 và các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 652, 660, 688 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 01 tháng 7 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 12/2025/TLST - DS ngày 17 tháng 02 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

- Chị Đinh Thị Thu U, sinh năm 1996; Địa chỉ: Tổ dân phố P, xã D, tỉnh Lâm Đồng.

- Anh Đinh Tiến Đ, sinh năm 2000; Địa chỉ: thôn K Mới C, xã D, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Đinh Thị Thu U và Đinh Tiến Đ tham gia tố tụng: ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1992; Địa chỉ: A T, Phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng – là người đại diện theo ủy quyền.

Bị đơn:

- Ông Đinh Văn Đ1, sinh năm: 1964; địa chỉ: Số H thôn K C, xã D, tỉnh Lâm Đồng.

- Ông Đinh Đ2, sinh năm: 1962; địa chỉ: thôn K, xã D, tỉnh Lâm Đồng.

- Ông Đinh Văn P, sinh năm: 1970; địa chỉ: thôn K, xã D, tỉnh Lâm Đồng.

- Ông Đinh Văn L, sinh năm: 1966; địa chỉ: thôn K, xã D, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Đinh Đ2, ông Đinh Văn Đ1, ông Đinh Văn L, ông Đinh Văn P tham gia tố tụng: bà Vương Hương Thạch T1, sinh năm: 1977; Địa chỉ: 7 P, phường T, tỉnh Khánh Hòa – là người đại diện theo ủy quyền.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Các bên đương sự cùng thống nhất xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đinh H và cụ Đỗ Thị H1 gồm năm người con đẻ là ông Đinh Đ2, ông Đinh Văn Đ1, ông Đinh Văn L, ông Đinh Văn P và ông Đinh Văn L1. Do ông Đinh Văn L1 qua đời trước cụ H1, hai con đẻ của ông L1 là bà Đinh Thị Thu U và ông Đinh Tiến Đ được hưởng thừa kế thế vị đối với kỷ phần thừa kế mà cha mình đáng lẽ được nhận.

- Các bên thống nhất lấy kết quả đo đạc thực tế do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện Đ lập ngày 25/06/2025 làm căn cứ phân chia di sản. Diện tích đất thực tế được xác định là 14.053m^2 nằm tại thửa đất ký hiệu A thuộc tờ bản đồ số 20, xã L, huyện Đ, bao gồm 12.978m2 thuộc thửa số 1/9 và 1.075m2 thuộc thửa số 1/259 và có 406 m^2 thuộc hành lang an toàn lộ giới đường bộ. Do toàn bộ diện tích đất này có 406m^2 thuộc hành lang an toàn lộ giới đường bộ nên toàn bộ diện tích đất thuộc di sản thừa kế là có tranh chấp trong vụ án này là: 14.053 m^2 – 406m^2 = 13.647m^2. Trên diện tích đất thuộc di sản thừa kế này có các tài sản gắn liền với đất của các bị đơn tạo dựng gồm nhà lưới diện tích 4.056 thuộc thửa 1/9, nhà lưới 3.901m^2 (trong đó 290 m^2 thuộc thửa 1/259 và 3.611m^2 thuộc thửa 1/9) và một chòi tạm diện tích 35m^2. Các bên đương sự không có tranh chấp gì về các tài sản trên đất.

- Về giá trị tài sản tranh chấp: Do các bên đã thỏa thuận thống nhất được giá trị tài sản tranh chấp là 806.000đ/m^2 nên diện tích đất tranh chấp thuộc di sản thừa kế có giá trị là 13.647m^2 x 806.000đ/m^2 = 10.999.482.000đ nên một suất thừa kế được nhận số tài sản tương số tiền là 2.199.896.400đ.

- Về cách phương án chia di sản thừa kế: các bên đương sự thống nhất Toàn bộ diện tích đất đo đạc thực tế 14.053m^2 nằm tại thửa đất ký hiệu A thuộc tờ bản đồ số 20, xã L, huyện Đ, bao gồm 12.978m^2 thuộc thửa số 1/9 và 1.075m^2 thuộc thửa số 1/259 và có 406 m^2 thuộc hành lang an toàn lộ giới đường bộ cùng toàn bộ tài sản, công trình trên đất được giao cho bốn bị đơn là ông Đinh Đ2, ông Đinh Văn Đ1, ông Đinh Văn L và ông Đinh Văn P được toàn quyền quản lý, sử dụng chung. Bốn bị đơn gồm ông Đinh Đ2, ông Đinh Văn Đ1, ông Đinh Văn L và ông Đinh Văn P có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Đinh Thị Thu U và ông Đinh Tiến Đ số tiền 2.199.896.400đ, làm tròn thành 2.200.000.000đ (Hai tỷ hai trăm triệu đồng chẵn)

và đây là khoản tiền của toàn bộ giá trị kỷ phần thừa kế thế vị tương ứng với suất của ông Đinh Văn L1 trong khối di sản chung của hai cụ H và cụ H1. Sau khi nhận đủ số tiền trên, phía nguyên đơn cam kết bàn giao lại mọi giấy tờ liên quan đến thửa đất cho các bị đơn và không còn bất kỳ quyền lợi hay tranh chấp nào đối với diện tích đất thực tế nêu trên.

Bốn bị đơn là ông Đinh Đ2, ông Đinh Văn Đ1, ông Đinh Văn L và ông Đinh Văn P có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kê khai cấp quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích đất 14.053m^2 nằm tại thửa đất ký hiệu A thuộc tờ bản đồ số 20, xã L, huyện Đ, bao gồm 12.978m^2 thuộc thửa số 1/9 và 1.075m^2 thuộc thửa số 1/259 (sau khi trừ đi 406 m^2 thuộc hành lang an toàn lộ giới đường bộ) được xác định theo sơ đồ đo đạc do Chi nhánh văn phòng Đ lập ngày 26/6/2025 (kèm theo quyết định này) theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

- Về án phí:

+ Nguyên đơn liên đới nhận chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 38.000.000 đồng (đối với một suất di sản và thống nhất nhận giá trị bằng tiền là 2.200.000.000 đồng) nhưng được trừ vào số tiền 27.000.000 đồng *(Hai mươi bảy triệu đồng)* tạm ứng án phí chị U và anh Đ đã nộp theo Biên lai thu số 0002871 ngày 17/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 – Lâm Đồng); Chị Đinh Thị Thu U và anh Đinh Tiến Đ còn phải liên đới nộp tiếp số tiền án phí còn thiếu là 11.000.000 đồng *(Mười một triệu đồng).*

+ Các bị đơn gồm ông Đinh Văn Đ1, ông Đinh Đ2, ông Đinh Văn P, ông Đinh Văn L tự nguyện nhận đồng sở hữu chung đối với khối tài sản gồm quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất có tổng giá trị là 8.799.482.000 đồng (sau khi trừ đi phần giá trị kỷ phần bằng tiền thanh toán cho nguyên đơn) nên phải chịu mức án phí giá ngạch gốc tính chung trên khối tài sản chung này là 116.799.482đồng/2 (do hòa giải thành được giảm 50%) = 58.399.741 đồng. Do vậy, phần án phí cá nhân của mỗi bị đơn phải chịu là 14.599.935 đồng. Do ông Đinh Văn Đ1 và ông Đinh Đ2 được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm (là người cao tuổi) nên hai bị đơn còn lại là ông Đinh Văn P và ông Đinh Văn L phải có trách nhiệm nộp phần án phí tương ứng với kỷ phần tài sản mình được nhận thực tế trong khối tài sản chung. Ông Đinh Văn P nhận chịu 14.599.935 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 25.500.000 đồng tạm ứng án phí phản tố ông P đã nộp theo Biên lai thu số 0008505 ngày 11/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Hoàn trả lại cho ông Đinh Văn P số tiền tạm ứng án phí nộp thừa là 10.400.065 đồng. Ông Đinh

Văn L nhận chịu 14.599.935 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 25.500.000 đồng tạm ứng án phí ông L đã nộp theo Biên lai thu số 0008504 ngày 11/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Hoàn trả lại cho ông Đinh Văn L số tiền tạm ứng án phí nộp thừa là 10.400.065 đồng.

- Về chi phí tố tụng: chị Đinh Thị Thu U và anh Đinh Tiến Đ nhận chịu số tiền chi phí tố tụng là 3.558.873đ (chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ). Chị U và anh Đ đã nộp đủ và Tòa án đã chi phí xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *Tòa án tỉnh;*
- *VKS nhân dân KV2-Lâm Đồng;*
- *Các đương sự;*
- *Phòng THADSKV2-Lâm Đồng.*
- *Lưu HS, AV*

THẨM PHÁN

TAND KHU VỰC 2

ZDQ090726.TL.QDBA 1843

Lê Đình Anh Vũ

Điều 157, Điều 158